

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về người hoạt động không chuyên trách
và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn,
ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với
người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã,
phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 474TTr-SNV ngày
20/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về người hoạt động
không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở
thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2024 và thay thế
Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban
nhân dân tỉnh ban hành Quy định về người hoạt động không chuyên trách ở xã,
phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã,
phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND;
- Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Phục vụ HCC (đăng Công báo);
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (T01QPPL).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

Về người hoạt động không chuyên trách
và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn,
ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2024/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển chọn, việc thực hiện chế độ, chính sách, xếp loại, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (Sau đây gọi tắt là người hoạt động không chuyên trách cấp xã), ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố.
- Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố.
- Công an viên thường trực ở xã; Công an viên và chức danh phụ trách quân sự ở mỗi thôn, ấp, khu phố.
- Người kiêm nhiệm các chức danh: người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố.

Chương II**TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ****Điều 3. Tiêu chuẩn**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP). Độ tuổi tối đa tham gia công tác đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định của luật, điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và điều lệ tổ chức chính trị - xã hội.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để áp dụng ban hành quy định về tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã làm cơ sở trong công tác quy hoạch và bố trí công tác cho các chức danh này.

Điều 4. Nhiệm vụ

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, tên gọi các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 34/2023/NQ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND) để quy định cụ thể nhiệm vụ của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cho phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

Chương III

BẦU CỬ, TUYỂN CHỌN, BỐ TRÍ

Điều 5. Về quy hoạch, bầu cử, tuyển chọn

1. Việc bầu cử, tuyển chọn các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Không thực hiện quy hoạch, bầu cử hoặc bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã đối với những người không đáp ứng quy định về tiêu chuẩn người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

3. Đối với các chức danh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành, quy định cụ thể việc xét tuyển.

Điều 6. Việc giao số lượng và bố trí các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Trên cơ sở các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND và nhu cầu sử dụng người hoạt động không chuyên trách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện về các chức danh cần bố trí.

2. Trên cơ sở văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao để quyết định giao số lượng cụ thể và bố trí các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã tương ứng với số lượng được giao đối với từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Việc bố trí (bao gồm bố trí kiêm nhiệm) các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phải căn cứ vào tiêu chuẩn, nhiệm vụ của chức danh cần bố trí, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của địa phương và không vượt quá số lượng người hoạt động không chuyên trách đã được giao cho từng đơn vị hành chính cấp xã.

4. Đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND không được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao và các chức danh người hoạt động không chuyên trách được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhưng chưa có nhân sự để thực hiện bố trí hoặc bố trí kiêm nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn phân công nhiệm vụ để đảm bảo các mảng công tác đều có người đảm nhận.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 7. Chế độ phụ cấp khi thay đổi vị trí chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

Khi thay đổi vị trí chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố mà chức danh mới có hệ số phụ cấp thấp hơn thì được bảo lưu hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách cũ trong 6 tháng, hết thời hạn 6 tháng người hoạt động không chuyên trách đảm nhận chức danh nào thì hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo chức danh hiện đảm nhận.

Điều 8. Thẩm quyền ban hành quyết định đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Các chức danh: Văn phòng Đảng ủy; Hỗ trợ công tác Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm nghiệp; Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ; Hỗ trợ lĩnh vực Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hoá; Hỗ trợ công tác Dân tộc - Tôn giáo; giúp việc cho Hội đồng nhân dân; Hỗ trợ công tác nội vụ, thi đua khen thưởng; Hỗ trợ công tác giải quyết kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo; Hỗ trợ công nghệ thông tin, bộ phận một cửa, chuyên đổi số và kiểm soát thủ tục hành chính; Hỗ trợ công tác Tư pháp - hộ tịch tại bộ phận một cửa; Hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định bố trí công tác, xếp mức phụ cấp, kiêm nhiệm, hỗ trợ thêm theo bằng cấp chuyên môn theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phó các đoàn thể (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ Nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh), Trưởng ban Thanh tra nhân dân, sau khi có quyết định công nhận, phê chuẩn của cấp trên trực tiếp đối với kết quả bầu cử của Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định xếp mức phụ cấp, kiêm nhiệm, hỗ trợ thêm theo bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ cho từng chức danh theo quy định.

3. Chức danh Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xếp mức phụ cấp, hỗ trợ thêm theo bảng cấp chuyên môn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện.

Điều 9. Thẩm quyền ban hành quyết định đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố

1. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố sau khi có kết quả bầu cử và quyết định công nhận, phê chuẩn kết quả bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định xếp mức phụ cấp, kiêm nhiệm, hỗ trợ thêm theo bảng cấp chuyên môn cho các chức danh ở thôn, ấp, khu phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố theo quy định.

Điều 10. Chế độ đối với lực lượng Công an thường trực ở xã; Công an viên ở thôn, ấp, khu phố và chức danh phụ trách quân sự ở thôn, ấp, khu phố

Các chức danh thuộc lực lượng Công an thường trực ở xã; Công an viên ở thôn, ấp, khu phố; chức danh phụ trách quân sự ở thôn, ấp, khu phố ngoài chế độ phụ cấp được hưởng theo quy định tại Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND còn được hưởng các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 11. Đánh giá, xếp loại

Việc đánh giá, xếp loại đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã thực hiện theo khoản 4 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 12. Khen thưởng

Việc khen thưởng, đề xuất khen thưởng đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã thực hiện theo khoản 5 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 13. Xử lý kỷ luật

1. Việc thực hiện kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã thực hiện theo khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Việc kỷ luật đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, ở thôn, ấp, khu phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng kỷ luật cấp xã (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác).

3. Thành phần Hội đồng kỷ luật ở cấp xã gồm: Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy (hoặc Chi bộ nơi chưa thành lập Đảng ủy), Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và đại diện đoàn thể có liên quan đến việc vi phạm của những người hoạt động không chuyên trách. Hội đồng kỷ luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập.

4. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, ở thôn, ấp, khu phố khi bị kỷ luật có quyền khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Chương VI

BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM VÀ GIẢI QUYẾT THÔI VIỆC

Điều 14. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên.

Điều 15. Thẩm quyền ban hành quyết định thôi việc

1. Đối với những chức danh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bố trí công tác hoặc bổ nhiệm thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thôi việc và chịu trách nhiệm về việc ban hành quyết định của mình.

2. Đối với những chức danh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xếp mức phụ cấp, khi không còn giữ chức danh đó nữa thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cho thôi hưởng phụ cấp, thanh toán các chế độ theo quy định và chịu trách nhiệm về việc ban hành quyết định của mình.

Điều 16. Thời gian thực hiện hỗ trợ thôi việc trong các trường hợp khác

1. Thời gian tính hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã nếu có tháng lẻ thì được tính như sau:

- a) Dưới 03 (ba) tháng thì không được tính;
- b) Từ đủ 03 (ba) tháng đến đủ 06 (sáu) tháng thì được tính bằng 1/2 (một phần hai) năm làm việc;
- c) Từ trên 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng thì được tính bằng 01 (một) năm làm việc.

2. Những người sau ngày thành lập tỉnh Bình Phước 01/01/1997 đến trước ngày 01/01/2016, đã đảm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách, sau đó được bố trí vào các chức danh cán bộ chuyên trách hoặc công chức cấp xã, một thời gian sau lại được bố trí vào chức danh người hoạt động không chuyên trách, thì thời gian đảm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên

trách ở các thời điểm khác nhau, khi có đủ quyết định của cơ quan có thẩm quyền, được cộng dồn các thời điểm đảm nhận chức danh người hoạt động không chuyên trách để hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc. Thời gian giữ các chức danh cán bộ chuyên trách hoặc công chức cấp xã khi nghỉ việc do Bảo hiểm xã hội giải quyết.

3. Đối với những người đảm nhận các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, từ sau ngày 01/01/2016 mà không được tham gia đóng bảo hiểm xã hội (trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy định này) khi nghỉ việc thì thời gian không được tham gia bảo hiểm xã hội (từ sau ngày 01/01/2016) được tính để hưởng chế độ thôi việc.

Điều 17. Các trường hợp nghỉ việc không được hỗ trợ thôi việc

Không giải quyết hỗ trợ thôi việc đối với các trường hợp sau:

1. Thời gian công tác của người hoạt động không chuyên trách trước khi thành lập tỉnh Bình Phước (trước ngày 01/01/1997).

2. Không có quyết định, hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền chứng minh được thời gian bố trí công tác từ sau ngày thành lập tỉnh Bình Phước 01/01/1997 đến nay.

3. Các trường hợp xác nhận về thời gian công tác.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, ấp, khu phố là người đang hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp mất sức lao động, ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động, hàng tháng được hưởng mức phụ cấp theo chức danh đang đảm nhận quy định tại Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND, không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Khi nghỉ việc không được hỗ trợ chế độ phụ cấp nghỉ việc. Riêng chức danh Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh cấp xã đang hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp bệnh binh khi thôi làm công tác Hội, cứ mỗi năm “đủ 12 tháng” đảm nhận chức vụ Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh cấp xã được hưởng trợ cấp một lần bằng 1/2 tháng phụ cấp hiện hưởng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh.

5. Đối với người hoạt động không chuyên trách đã đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định hoặc được ngân sách hỗ trợ kinh phí để đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì khi nghỉ việc không được hỗ trợ thôi việc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Các nội dung không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND và Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã được tuyển chọn, bố trí, tiếp nhận trước khi Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND có hiệu lực được xem xét tiếp tục thực hiện bố trí lại theo tên gọi chức danh tương ứng quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND. Nếu chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3 Quy định này, trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quy định có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn nêu trên mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì thực hiện cho thôi việc theo quy định.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu áp dụng trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ đó.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn việc thống kê; tổng hợp, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quy định này; tiếp nhận các ý kiến phản ánh, tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tế tại địa phương.

2. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện nội dung liên quan đến kinh phí thực hiện chi trả các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND và quy định tại Quy định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét giải quyết./.

